BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 508/MĐC-TCCB
V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể năm học 2020 - 2021

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Để triển khai công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2020 - 2021, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị thực hiện một số nội dung như sau:

1. Thời gian đánh giá: từ 1/8/2020 đến hết 31/7/2021.

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

a) Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn)

Chủ trì: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

- Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Giờ quy đổi các mức:

Đơn vị tính: giờ

TT	Mức	Hoạt động giảng dạy và đào tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ
1	5% giờ quy đổi cao nhất toàn trường	1456	1758
2	30% giờ quy đổi cao nhất toàn trường	728	822

3	75% giờ quy đổi cao nhất toàn trường	307	285

+ Mức điểm đạt được tương ứng các bước nhảy:

Đơn vị tính: giờ

Bước nhảy	Điểm	Hoạt động giảng dạy và đào tạo		Hoạt động khoa học và công nghệ	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	101	307	354	285	345
2	102	354	400	345	404
3	103	400	447	404	464
4	104	447	494	464	524
5	105	494	541	524	583
6	106	541	588	583	643
7	107	588	635	643	703
8	108	635	681	703	762
9	109	681	728	762	822
10	110	≥ 728		≥ 822	

+ Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ nghiên cứu khoa học quy đổi cao nhất trong năm được cộng 5 điểm khuyến khích; Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm được cộng 10 điểm khuyến khích *(các hình thức khuyến khích cho viên chức giảng dạy xem BM-08a)*

- Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 2C (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng hàng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Nhà trường.

- Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và khuyến khích của các cá nhân thuộc Nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

- Lập bảng tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị và bản kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022 của Bộ môn theo BM-01a.

- Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng Khoa thông qua.

Hồ sơ trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022: BM-01a

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc Phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó Trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, Phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs_QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E.

Chú ý:

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B và 3D, Hội đồng đánh giá cấp Khoa không đánh giá KPIs_QL (sử dụng kết quả đánh giá KPIs_QL của Nhà trường).

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; lập bản kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022 của Khoa theo BM-01a; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022: BM-01a

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc Phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; lập bản kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022 của đơn vị theo BM-01a; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022: BM-01a (đơn vị đã gửi theo hướng dẫn tại Công văn số 455/MĐC-TCCB ngày 07/9/2021 về việc xếp loại phòng, ban và nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý năm học 2020 - 2021 nếu điều chỉnh kế hoạch thì gửi lại).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức - Cán bộ **trước ngày 08/10/2021**, bản mềm gửi về địa chỉ email: kpihumg@humg.edu.vn (bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Các PHT (để phối hợp chỉ đạo);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

ĐƠN VỊ: .....

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số: 508 /MĐC-TCCB ngày 01 tháng 10 năm 2021)

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
							A+	A	B	C	KĐG	
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x					
2	Nguyễn Văn B				1	100		x				
3	Nguyễn Văn C				2	-			x			
4	Nguyễn Văn D										x	
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
...												
....												
....												
...												
....												
Tổng cộng												

Trưởng đơn vị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số : 552 /MĐC-TCCB
V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân năm học 2021- 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Quyết định 3277/QĐ-BGDĐT năm 2021 về Quy chế Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Để kịp thời triển khai công tác đánh giá, xếp loại tập thể và cá nhân năm học 2021 - 2022 được kịp thời, chính xác, Nhà trường hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Thời gian đánh giá: từ 1/8/2021 đến hết 31/7/2022

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

a) Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn).

Chủ tri: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

- Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB đã tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học công nghệ tương ứng các ngưỡng 30%, 50%, 75% giảng viên có khối lượng giờ giảng dạy quy đổi và tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (NCKH) quy đổi cao nhất toàn Trường, cụ thể:

TT	Ngưỡng	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH
1	30%	736	373 %
2	50%	500	256%
3	75%	271	160%

+ Mức điểm đạt được mức hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và khoa học công nghệ tương ứng các bước nhảy:

Bước nhảy	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	91	271	294	160%	170%
2	92	294	317	170%	179%
3	93	317	340	179%	189%
4	94	340	363	189%	198%
5	95	363	386	198%	208%
6	96	386	409	208%	218%
7	97	409	432	218%	227%
8	98	432	455	227%	237%
9	99	455	478	237%	246%
10	100	478	501	246%	256%

+ Mức điểm đạt được mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo và khoa học công nghệ tương ứng các bước nhảy:

Bước nhảy	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	101	501	528	256%	270%
2	102	528	554	270%	283%
3	103	554	580	283%	296%
4	104	580	606	296%	309%
5	105	606	632	309%	322%
6	106	632	658	322%	335%
7	107	658	684	335%	348%
8	108	684	710	348%	361%
9	109	710	736	361%	373%

+ Khuyến khích giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH cao nhất toàn trường (KPIs_KK_2), cụ thể:

Nội dung	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	> 774%		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	638%	774%	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	534%	638%	3
Giảng viên trong nhóm từ 15 đến 20% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	469%	534%	2
Giảng viên trong nhóm từ 20 đến 25% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	427%	469%	1

+ Khuyến khích giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất toàn trường (KPIs_KK_5), cụ thể:

Nội dung	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	> 1490		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1231	1490	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1068	1230	3
Giảng viên trong nhóm từ 15% đến 20% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	930	1067	2
Giảng viên trong nhóm từ 20% đến 25% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	820	929	1

+ Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với mức xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

- Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 2C (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng năm học hằng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và khuyến khích của các cá nhân thuộc nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị.

- Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng Khoa thông qua.

Hồ sơ trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs_QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E; đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ. Lưu ý: không đánh giá KPIs_QL của nhóm 3A, 3B, 3D; đối với cá nhân thuộc nhóm 3B, 3D sử dụng kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức - Cán bộ **trước ngày 20/10/2022**, bản mềm gửi về địa chỉ email: kpihumg@humg.edu.vn (bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức – Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eoffice;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục số 01

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại			
							A+	A	B	C
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x			
2	Nguyễn Văn B				1	100		x		
3	Nguyễn Văn C				2	-			x	
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
....										
Tổng cộng										

Trưởng đơn vị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 435/MĐC-TCCB

Về việc hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2022-2023 và đăng ký phương án KPIs năm học 2023 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Công văn số 376/MĐC-TCCB ngày 11/7/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về Kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm học 2022 - 2023.

Nhà trường đề nghị các đơn vị triển khai các nội dung sau đây để phục vụ công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2022 - 2023 và đăng ký phương án KPIs năm học 2023 - 2024:

1. Thời gian đánh giá, xếp loại chất lượng năm học 2022 - 2023: từ 1/8/2022 đến hết 31/7/2023

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

2.1. Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn).

Chủ trì: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

a) Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB đã tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học công nghệ tương ứng các ngưỡng 30%, 50%, 75% giảng viên có khối lượng giờ giảng dạy quy đổi và tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (NCKH) quy đổi cao nhất toàn Trường, cụ thể:

TT	Ngưỡng	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH
1	30%	823,7	368,5%

2	50%	483,4	266,8%
3	75%	322,5	185,9%

+ Mức điểm tương ứng các bước nhảy đối với hoạt động giảng dạy, đào tạo và khoa học công nghệ:

TT	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	91	322,5	338,6	185,9%	194,0%
2	92	338,6	354,7	194,0%	202,1%
3	93	354,7	370,8	202,1%	210,2%
4	94	370,8	386,9	210,2%	218,3%
5	95	386,9	402,9	218,3%	226,4%
6	96	402,9	419,0	226,4%	234,4%
7	97	419,0	435,1	234,4%	242,5%
8	98	435,1	451,2	242,5%	250,6%
9	99	451,2	467,3	250,6%	258,7%
10	100	467,3	483,4	258,7%	266,8%
11	101	483,4	521,2	266,8%	277,0%
12	102	521,2	559,0	277,0%	287,1%
13	103	559,0	596,8	287,1%	297,3%
14	104	596,8	634,6	297,3%	307,5%
15	105	634,6	672,4	307,5%	317,6%
16	106	672,4	710,2	317,6%	327,8%
17	107	710,2	748,0	327,8%	338,0%
18	108	748,0	785,9	338,0%	348,1%
19	109	785,9	823,7	348,1%	368,5%

+ Khuyến khích giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH cao nhất toàn trường (KPIs_KK_2), cụ thể:

Nội dung	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	> 699,7%		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	585,4%	699,7%	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	531,9%	585,4%	3

Giảng viên trong nhóm từ 15 đến 20% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	465,1%	531,9%	2
Giảng viên trong nhóm từ 20 đến 25% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	417,3%	465,1%	1

+ Khuyến khích giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất toàn trường (KPIs_KK_5), cụ thể:

Nội dung	**Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi**		**Điểm khuyến khích**
	Từ	**Đến**	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	>1708,0		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1350,6	1708,0	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1146,4	1350,5	3
Giảng viên trong nhóm từ 15% đến 20% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1009,7	1146,3	2
Giảng viên trong nhóm từ 20% đến 25% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	907,3	1009,6	1

+ Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với mức xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

b) Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 2 (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng năm học hằng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

c) Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy, đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và điểm khuyến khích của các cá nhân thuộc nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

d) Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị.

đ) Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa thông qua.

e) Triển khai viên chức giảng dạy đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2023 - 2024 (theo Phụ lục số 02 kèm theo Công văn này):

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 1, 3B là Trưởng khoa và 3E đăng ký theo BM-02a (ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐT) và BM-02b (ban hành kèm theo Nghị quyết 82/NQ-HĐT).

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B (không bao gồm Trưởng khoa), 3D đăng ký theo BM-02b (ban hành kèm theo Nghị quyết 82/NQ-HĐT), lưu ý:

(1) KPIs_QL: trọng số mục tiêu theo tỷ lệ % miễn giảm theo vị trí lãnh đạo, quản lý kiêm nhiệm;

(2) KPIs_ĐT + KPIs_KHCN: cá nhân tự xác định tỷ lệ % cho từng hoạt động bảo đảm nguyên tắc trọng số mục tiêu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy hoặc KHCN tối thiểu 2% và tổng trọng số mục tiêu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và KHCN bằng (100 - Trọng số KPIs_QL - 10);

Hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng năm học 2022 - 2023 trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2022 - 2023 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2022 - 2023 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2) (nếu có): BM-09c.

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs_QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E; đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ. Lưu ý: không đánh giá KPIs_QL của nhóm 3A, 3B, 3D; đối với cá nhân thuộc nhóm 3B, 3D sử dụng kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

- Dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2023 - 2024 (từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024).

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

- Cá nhân thuộc nhóm 3B (là Trưởng Khoa) lập bản đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý và tự đề xuất kết quả thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong năm học 2022 - 2023 trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị xem xét cho ý kiến (xem BM-15, Nghị quyết số 82/NQ-HĐT)

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2022 - 2023 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2022 - 2023 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c.

+ Minh chứng đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 2 của đơn vị từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023 (bao gồm: BM-09b theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và BM-08d theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

+ Bảng tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2023-2024 đối với cá nhân thuộc nhóm 1 và nhóm 3A, 3B, 3D, 3E: Phụ lục số 02.

+ Bảng dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2023 - 2024 (từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024): BM-03b và Phụ lục số 03.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2022 - 2023 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Minh chứng đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức nhóm 2 của đơn vị từ tháng 8/2022 đến tháng 7/2023 (bao gồm: BM-09b theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và BM-08d theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

+ Bảng dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2023 - 2024 (từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024): BM-03b và Phụ lục số 03.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức - Cán bộ **trước ngày 18/8/2023**, bản mềm gửi về địa chỉ email: kpihumg@humg.edu.vn (bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức – Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eoffice;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục số 01

Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân năm học 2022 - 2023

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại			
							A+	A	B	C
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x			
2	Nguyễn Văn B				1	100		x		
3	Nguyễn Văn C				2	-			x	
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
....										
Tổng cộng										

Trưởng đơn vị

Phụ lục số 02

Bảng tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2023-2024

(đối với cá nhân thuộc nhóm 1 và nhóm 3A, 3B, 3D, 3E)

I. Đối với cá nhân thuộc nhóm 1, 3B là Trưởng khoa và 3E

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs							Ghi chú
						1	2	3	4	5	6	7	

II. Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B (không bao gồm Trưởng khoa), 3D

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Chức vụ	Nhóm	Trọng số mục tiêu %				Ghi chú
					KPIs_QL	KPIs_ĐT	KPIs_KHCN	KPIs_CVK	
1	Trần Xuân Trường	0503-13	Chủ tịch HĐT, BTĐUT	3A	85			10	
2	Trần Thanh Hải	0401-06	Hiệu trưởng	3A	85			10	
3	Triệu Hùng Trường	0605-09	Phó Hiệu trưởng	3A	80			10	
4	Nguyễn Ngọc Khánh	0702-06	Trưởng phòng	3B	75			10	
5	Bùi Trường Sơn	0405-10	Trưởng phòng	3B	75			10	

6	Trần Anh Dũng	0701-04	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
7	Nguyễn Đức Khoát	0902-05	Trưởng phòng	3B	75			10	
8	Nguyễn Thế Lộc	0801-02	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
9	Phạm Tuấn Cường	0101-17	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
10	Lương Quang Khang	0402-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
11	Nhữ Thị Kim Dung	0304-06	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
12	Đỗ Ngọc Anh	0303-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
13	Nguyễn Thạc Khánh	0903-09	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
14	Nguyễn Thị Hoài Nga	0702-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
15	Lê Xuân Thành	0901-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
16	Bùi Mạnh Tùng	0302-17	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
17	Nguyễn Việt Hà	0501-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
18	Lê Đức Vinh	0605-03	Giám đốc TT Dịch vụ	3B	75			10	
19	Diêm Công Hoàng	0801-09	Giám đốc	3B	75			10	
20	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0106-17	Phó Giám đốc	3D	70			10	
21	Phạm Đức Thiên	0904-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
22	Lê Văn Hưng	0801-01	Giám đốc	3B	75			10	
23	Phạm Văn Tuấn	0602-06	Trưởng phòng	3B	75			10	

24	Nguyễn Thị Lan Hương	0101-12	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
25	Nguyễn Viết Nghĩa	0505-06	Phó Trưởng phòng PT	3B	75			10	
26	Bùi Hoàng Bắc	0402-06	Giám đốc	3B	30			10	
27	Nguyễn Hữu Hiệp	0401-21	Phó Giám đốc	3D	25			10	
28	Hoàng Anh Dũng	0605-11	Chánh VP Đảng, đoàn thể	3B	75			10	
29	Công Ngọc Thắng	0603-11	Phó chánh phụ trách VPCTTT	3B	30			10	
30	Vũ Kim Thư	0103-16	Phó Chánh Văn phòng	3D	25			10	
31	Nguyễn Văn Thịnh	0605-04	Phó Chánh Văn phòng Đại diện	3D	25			10	
32	Nguyễn Thanh Tuấn	0605-08	Bí thư Đoàn TN Trường	3B	70			10	

Phụ lục số 03

Bảng dự kiến xếp hạng nhân viên hành chính năm học 2023 - 2024

(từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024)

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Đơn vị	Dự kiến hạng nhân viên hành chính năm học 2023 - 2024												Ghi chú
				Năm 2023					Năm 2024							
				8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 481 /MĐC-TCCB
Về việc hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023-2024 và đăng ký phương án KPIs năm học 2024 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW ngày 10/11/2023 của Ban tổ chức Trung ương một số nội dung về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Công văn số 341/MĐC-TCCB ngày 10/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về Kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm học 2023 - 2024.

Nhà trường đề nghị các đơn vị triển khai các nội dung sau đây để phục vụ công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2023 - 2024 và đăng ký phương án KPIs năm học 2023 - 2024[1]:

1. Thời gian và lưu ý đánh giá, xếp loại chất lượng năm học 2023 - 2024

a) Thời gian: từ 1/8/2023 đến hết 31/7/2024.

b) Lưu ý: căn cứ đề xuất của các đơn vị, phòng Tổ chức - Cán bộ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định tỷ lệ xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể đạt mức xếp loại chất lượng A+ bảo đảm quy định của Nhà trường và pháp luật như sau:

- Nguyên tắc xếp loại chất lượng theo Khoản 6, Điều 4 Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023: "... Bảo đảm tỷ lệ hợp lý các mức xếp loại chất lượng giữa các cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 theo Điều 3 Quy định này. Tỷ lệ cán bộ, viên chức xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" trong tổng số cán bộ, viên chức của Trường và đối với từng nhóm đối tượng có nhiệm vụ tương đồng không quá tỷ lệ đảng viên được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" theo quy định của Đảng ...".

- Điểm 1.4, Khoản 1, Điều 12 Quy định số 24-QĐ/TW ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị: Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

- Khoản 7.9, Điểm 7 Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW ngày 10/11/2023 của Ban tổ chức Trung ương một số nội dung về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị: Những nơi có dưới 05 tổ chức đảng; 05 tập thể lãnh đạo, quản lý; 05 đảng viên; 05 cán bộ lãnh đạo, quản lý và có 100% tập thể, cá nhân xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" thì được chọn 01 tổ chức đảng; 01 tập thể lãnh đạo, quản lý; 01 đảng viên; 01 cán bộ lãnh đạo, quản lý được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" nếu đủ điều kiện theo quy định.

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

2.1. Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn).

Chủ trì: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

a) Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB đã tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học công nghệ tương ứng các ngưỡng 30%, 50%, 75% giảng viên có khối lượng giờ giảng dạy quy đổi và tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (NCKH) quy đổi cao nhất toàn Trường, cụ thể:

---

[1] Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

TT	Ngưỡng	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH
1	30%	811,8	429,8%
2	50%	504,1	270,7%
3	75%	311,3	173,1%

+ Mức điểm tương ứng các bước nhảy đối với hoạt động giảng dạy, đào tạo và khoa học công nghệ:

TT	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	91	311,3	330,6	173,1%	182,8%
2	92	330,6	349,9	182,8%	192,6%
3	93	349,9	369,1	192,6%	202,4%
4	94	369,1	388,4	202,4%	212,1%
5	95	388,4	407,7	212,1%	221,9%
6	96	407,7	427,0	221,9%	231,7%
7	97	427,0	446,2	231,7%	241,4%
8	98	446,2	465,5	241,4%	251,2%
9	99	465,5	484,8	251,2%	260,9%
10	100	484,8	504,1	260,9%	270,7%
11	101	504,1	538,3	270,7%	288,4%
12	102	538,3	572,5	288,4%	306,1%
13	103	572,5	606,6	306,1%	323,7%
14	104	606,6	640,8	323,7%	341,4%
15	105	640,8	675,0	341,4%	359,1%
16	106	675,0	709,2	359,1%	376,8%
17	107	709,2	743,4	376,8%	394,4%
18	108	743,4	777,6	394,4%	412,1%
19	109	777,6	811,8	412,1%	429,8%

+ Khuyến khích giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH cao nhất toàn trường (KPIs_KK_2), cụ thể:

Nội dung	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	> 697,5%		5

Nội dung	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	574,2%	697,5%	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	514,6%	574,2%	3
Giảng viên trong nhóm từ 15 đến 20% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	477,2%	514,6%	2
Giảng viên trong nhóm từ 20 đến 25% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	430,3%	477,2%	1

+ Khuyến khích giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất toàn trường (KPIs_KK_5), cụ thể:

Nội dung	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	> 1676		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1395,0	1676,0	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1195,1	1350,5	3
Giảng viên trong nhóm từ 15% đến 20% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1063,4	1195,1	2
Giảng viên trong nhóm từ 20% đến 25% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	916,2	1063,4	1

+ Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với mức xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

b) Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 2 (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng năm học hằng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8 Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023.

c) Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy, đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và điểm khuyến khích của các cá nhân thuộc nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

d) Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị.

đ) Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa thông qua.

e) Triển khai viên chức giảng dạy đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 (theo Phụ lục số 02 kèm theo Công văn này):

- Viên chức giảng dạy nhóm 1 đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs theo quy định tại BM-02a; (*Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021*);

- Viên chức giảng dạy nhóm 3A, 3B, 3D và 3E đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs theo quy định tại BM-02b; (*Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023*).

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B, 3D (không bao gồm Trưởng khoa), lưu ý:

(1) *KPIs-QL*: trọng số mục tiêu theo tỷ lệ % miễn giảm theo vị trí lãnh đạo, quản lý kiêm nhiệm;

(2) KPIs-ĐT + KPIs-KHCN: cá nhân tự xác định tỷ lệ % cho từng hoạt động bảo đảm nguyên tắc trọng số mục tiêu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy hoặc KHCN tối thiểu 2% và tổng trọng số mục tiêu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và KHCN bằng (100 - Trọng số KPIs-QL - 10);

Hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng năm học 2023 - 2024 trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2023 - 2024 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2023 - 2024 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2) (nếu có): BM-09c.

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs-QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E; đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ. Lưu ý: không đánh giá KPIs-QL của nhóm 3A, 3B, 3D; đối với cá nhân thuộc nhóm 3B, 3D sử dụng kết quả đánh giá KPIs-QL của Ban Giám hiệu.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

- Dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2024 - 2025 (từ tháng 8/2024 đến tháng 7/2025).

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

- Cá nhân thuộc nhóm 3B (là Trưởng Khoa) lập bản đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý và tự đề xuất kết quả thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong năm học 2023 - 2024 trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị xem xét cho ý kiến (xem BM-15, Nghị quyết số 136/NQ-HĐT*)*

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2023 - 2024 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2023 - 2024 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c.

+ Minh chứng đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 2 của đơn vị từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024 (bao gồm: BM-09b theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và BM-08d theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

+ Bảng tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 đối với cá nhân thuộc nhóm 1 và nhóm 3A, 3B, 3D, 3E: Phụ lục số 02.

+ Bảng dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2024 - 2025 (từ tháng 8/2024 đến tháng 7/2025): BM-03b và Phụ lục số 03.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2023 - 2024 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Minh chứng đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức nhóm 2 của đơn vị từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024 (bao gồm: BM-09b theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và BM-08d theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

+ Bảng dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2024 - 2025 (từ tháng 8/2024 đến tháng 7/2025): BM-03b và Phụ lục số 03.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức

- Cán bộ **trước ngày 13/9/2024**, bản mềm gửi về địa chỉ email: kpihumg@humg.edu.vn (bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eoffice;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục số 01

Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân năm học 2023 - 2024

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại			
							A+	A	B	C
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x			
2	Nguyễn Văn B				1	100		x		
3	Nguyễn Văn C				2	-			x	
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
....										
Tổng cộng										

Trưởng đơn vị

Phụ lục số 02

Bảng tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025

(đối với cá nhân thuộc nhóm 1 và nhóm 3A, 3B, 3D, 3E)

I. Đối với cá nhân thuộc nhóm 1, 3B là Trưởng khoa và 3E

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs							Ghi chú
						1	2	3	4	5	6	7	

II. Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B (không bao gồm Trưởng khoa), 3D

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Chức vụ	Nhóm	Trọng số mục tiêu %				Ghi chú
					KPIs_QL	KPIs_ĐT	KPIs_KHCN	KPIs_CVK	
1	Trần Xuân Trường	0503-13	Chủ tịch HĐT, BTĐUT	3A	85			10	
2	Trần Thanh Hải	0401-06	Hiệu trưởng	3A	85			10	
3	Triệu Hùng Trường	0605-09	Phó Hiệu trưởng	3A	80			10	
4	Nguyễn Ngọc Khánh	0702-06	Trưởng phòng	3B	75			10	
5	Bùi Trường Sơn	0405-10	Trưởng phòng	3B	75			10	

6	Trần Anh Dũng	0701-04	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
7	Nguyễn Đức Khoát	0902-05	Trưởng phòng	3B	75			10	
8	Nguyễn Thế Lộc	0801-02	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
9	Phạm Tuấn Cường	0101-17	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
10	Lương Quang Khang	0402-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
11	Nhữ Thị Kim Dung	0304-06	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
12	Đỗ Ngọc Anh	0303-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
13	Nguyễn Thạc Khánh	0903-09	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
14	Nguyễn Thị Hoài Nga	0702-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
15	Lê Xuân Thành	0901-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
16	Bùi Mạnh Tùng	0302-17	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
17	Nguyễn Việt Hà	0501-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
18	Lê Đức Vinh	0605-03	Giám đốc TT Dịch vụ	3B	75			10	
19	Diêm Công Hoàng	0801-09	Giám đốc	3B	75			10	
20	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0106-17	Phó Giám đốc	3D	70			10	
21	Phạm Đức Thiên	0904-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
22	Lê Văn Hưng	0801-01	Giám đốc	3B	75			10	
23	Phạm Văn Tuấn	0602-06	Trưởng phòng	3B	75			10	

24	Nguyễn Thị Lan Hương	0101-12	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
25	Nguyễn Viết Nghĩa	0505-06	Phó Trưởng phòng PT	3B	75			10	
26	Bùi Hoàng Bắc	0402-06	Giám đốc	3B	30			10	
27	Nguyễn Hữu Hiệp	0401-21	Phó Giám đốc	3D	25			10	
28	Hoàng Anh Dũng	0605-11	Chánh VP Đảng, đoàn thể	3B	75			10	
29	Công Ngọc Thắng	0603-11	Phó chánh phụ trách VPCTTT	3B	30			10	
30	Nguyễn Văn Thịnh	0605-04	Phó Chánh Văn phòng Đại diện	3D	25			10	
31	Nguyễn Thanh Tuấn	0605-08	Bí thư Đoàn TN Trường	3B	70			10	

Phụ lục số 03

Bảng dự kiến xếp hạng nhân viên hành chính năm học 2024 - 2025

(từ tháng 8/2024 đến tháng 7/2025)

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Đơn vị	Dự kiến hạng nhân viên hành chính năm học 2024 - 2025												Ghi chú
				Năm 2024					Năm 2025							
				8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 556 /MĐC-TCCB

Về việc hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024-2025 và đăng ký phương án KPIs năm học 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Công văn số 412/MĐC-TCCB ngày 17/7/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về Kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm học 2024 - 2025.

Nhà trường đề nghị các đơn vị triển khai các nội dung sau đây để phục vụ công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2024 - 2025 và đăng ký phương án KPIs năm học 2025 - 2026:

1. Thời gian đánh giá, xếp loại chất lượng năm học 2024 - 2025: từ 1/8/2024 đến hết 31/7/2025

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

2.1. Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn).

Chủ trì: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

a) Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB đã tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học công nghệ tương ứng các ngưỡng 30%, 50%, 75% giảng viên có khối lượng giờ giảng dạy quy đổi và tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (NCKH) quy đổi cao nhất toàn Trường, cụ thể:

TT	Ngưỡng	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH
1	30%	864,55	285,5%
2	50%	532,75	207,5%
3	75%	338,67	133,0%

+ Mức điểm tương ứng các bước nhảy đối với hoạt động giảng dạy, đào tạo và khoa học công nghệ:

TT	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	91	338,7	358,1	133,1%	140,6%
2	92	358,1	377,5	140,6%	148,0%
3	93	377,5	396,9	148,0%	155,5%
4	94	396,9	416,3	155,5%	162,9%
5	95	416,3	435,7	162,9%	170,4%
6	96	435,7	455,1	170,4%	177,8%
7	97	455,1	474,5	177,8%	185,3%
8	98	474,5	493,9	185,3%	192,7%
9	99	493,9	513,3	192,7%	200,2%
10	100	513,3	532,8	200,2%	207,7%
11	101	532,8	569,7	207,7%	216,3%
12	102	569,7	606,5	216,3%	225,0%
13	103	606,5	643,4	225,0%	233,7%
14	104	643,4	680,3	233,7%	242,3%
15	105	680,3	717,1	242,3%	251,0%
16	106	717,1	754,0	251,0%	259,7%
17	107	754,0	790,9	259,7%	268,3%
18	108	790,9	827,7	268,3%	277,0%
19	109	827,7	864,6	277,0%	285,7%

+ Khuyến khích giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH cao nhất toàn trường (KPIs_KK_2), cụ thể:

Nội dung	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	>522,25%		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	439,4%	522,3%	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	409,8%	439,4%	3
Giảng viên trong nhóm từ 15 đến 20% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	351,5%	409,8%	2
Giảng viên trong nhóm từ 20 đến 25% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	312,8%	351,5%	1

+ Khuyến khích giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất toàn trường (KPIs_KK_5), cụ thể:

Nội dung	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	>1825,36		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1466,74	1825,4	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1236,68	1466,74	3
Giảng viên trong nhóm từ 15% đến 20% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1101,32	1236,68	2
Giảng viên trong nhóm từ 20% đến 25% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	959,45	1101,32	1

+ Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với mức xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

b) Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 2 (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng năm học hằng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

c) Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy, đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và điểm khuyến khích của các cá nhân thuộc nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

d) Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị.

đ) Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa thông qua.

e) Triển khai viên chức giảng dạy đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2025 - 2026 (theo Phụ lục số 02 kèm theo Công văn này):

- Viên chức giảng dạy nhóm 1 đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs theo quy định tại BM-02a; (*Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021*);

- Viên chức giảng dạy nhóm 3A, 3B, 3D và 3E đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs theo quy định tại BM-02b; (*Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023*).

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B, 3D (không bao gồm Trưởng khoa), lưu ý:

(1) KPIs-QL: trọng số mục tiêu theo tỷ lệ % miễn giảm theo vị trí lãnh đạo, quản lý kiêm nhiệm;

(2) KPIs-ĐT + KPIs-KHCN: cá nhân tự xác định tỷ lệ % cho từng hoạt động bảo đảm nguyên tắc trọng số mục tiêu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy hoặc KHCN tối thiểu 2% và tổng trọng số mục tiêu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và KHCN bằng (100 - Trọng số KPIs-QL - 10);

Hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng năm học 2024 - 2025 trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2) (nếu có): BM-09c.

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs-QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E; đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ. Lưu ý: không đánh giá KPIs-QL của nhóm 3A, 3B, 3D; đối với cá nhân thuộc nhóm 3B, 3D sử dụng kết quả đánh giá KPIs-QL của Ban Giám hiệu.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

- Dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2025 - 2026 (từ tháng 8/2025 đến tháng 7/2026).

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

- Cá nhân thuộc nhóm 3B (là Trưởng Khoa) lập bản đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý và tự đề xuất kết quả thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong năm học 2024 - 2025 trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị xem xét cho ý kiến (xem BM-15, Nghị quyết số 136/NQ-HĐT)

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c.

+ Minh chứng đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 2 của đơn vị từ tháng 8/2024 đến tháng 7/2025 (bao gồm: BM-09b theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và BM-08d theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

+ Bảng tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2025 - 2026 đối với cá nhân thuộc nhóm 1 và nhóm 3A, 3B, 3D, 3E: Phụ lục số 02.

+ Bảng dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2025 - 2026 (từ tháng 8/2025 đến tháng 7/2026): BM-03b và Phụ lục số 03.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2024 - 2025 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Minh chứng đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức nhóm 2 của đơn vị từ tháng 8/2024 đến tháng 7/2025 (bao gồm: BM-09b theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và BM-08d theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

+ Bảng dự kiến xếp hạng cá nhân thuộc nhóm 2 năm học 2025 - 2026 (từ tháng 8/2025 đến tháng 7/2026): BM-03b và Phụ lục số 03.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức - Cán bộ **trước ngày 30/9/2025**, bản mềm gửi về địa chỉ email, bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eoffice;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục số 01

Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại			
							A+	A	B	C
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x			
2	Nguyễn Văn B				1	100		x		
3	Nguyễn Văn C				2	-			x	
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
....										
Tổng cộng										

Trưởng đơn vị

Phụ lục số 02

Bảng tổng hợp đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs năm học 2025 - 2026

(đối với cá nhân thuộc nhóm 1 và nhóm 3A, 3B, 3D, 3E)

I. Đối với cá nhân thuộc nhóm 1, 3B là Trưởng khoa và 3E

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Đăng ký phương án trọng số mục tiêu KPIs							Ghi chú
						1	2	3	4	5	6	7	

II. Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B (không bao gồm Trưởng khoa), 3D

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Chức vụ	Nhóm	Trọng số mục tiêu %				Ghi chú
					KPIs_QL	KPIs_ĐT	KPIs_KHCN	KPIs_CVK	
1	Trần Xuân Trường	0503-13	Chủ tịch HĐT, BTĐUT	3A	85			10	
2	Trần Thanh Hải	0401-06	Hiệu trưởng	3A	85			10	
3	Triệu Hùng Trường	0605-09	Phó Hiệu trưởng	3A	80			10	
4	Nguyễn Ngọc Khánh	0702-06	Phó Hiệu trưởng	3A	80			10	
5	Nguyễn Thế Vinh	0604-05	Phó Hiệu trưởng	3a	80			10	

6	Bùi Trường Sơn	0405-10	Trưởng phòng	3B	75			10	
7	Trần Anh Dũng	0701-04	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
8	Nguyễn Đức Khoát	0902-05	Trưởng phòng	3B	75			10	
9	Nguyễn Thế Lộc	0801-02	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
10	Phạm Tuấn Cường	0101-17	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
11	Lương Quang Khang	0402-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
12	Nhữ Thị Kim Dung	0304-06	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
13	Đỗ Ngọc Anh	0303-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
14	Nguyễn Thạc Khánh	0903-09	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
15	Nguyễn Thị Hoài Nga	0702-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
16	Lê Xuân Thành	0901-04	Trưởng phòng	3B	75			10	
17	Bùi Mạnh Tùng	0302-17	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
18	Nguyễn Việt Hà	0501-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
19	Lê Đức Vinh	0605-03	Trưởng phòng, Giám đốc	3B	75			10	
20	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	0106-17	Phó Giám đốc phụ trách	3D	75			10	
21	Phạm Đức Thiên	0904-07	Trưởng phòng	3B	75			10	
22	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	0106-35	Phó Giám đốc	3D	70			10	
23	Phạm Văn Tuấn	0602-06	Trưởng phòng	3B	75			10	

24	Nguyễn Thị Lan Hương	0101-12	Phó Trưởng phòng	3D	70			10	
25	Nguyễn Viết Nghĩa	0505-06	Phó Trưởng phòng PT	3B	75			10	
26	Bùi Hoàng Bắc	0402-06	Giám đốc	3B	30			10	
27	Nguyễn Hữu Hiệp	0401-21	Phó Giám đốc	3D	25			10	
28	Công Ngọc Thắng	0603-11	Phó chánh phụ trách VPCTTT	3B	30			10	
29	Nguyễn Văn Thịnh	0605-04	Phó Chánh Văn phòng Đại diện	3D	25			10	
30	Nguyễn Thanh Tuấn	0605-08	Bí thư Đoàn TN Trường	3B	70			10	

Phụ lục số 03

Bảng dự kiến xếp hạng nhân viên hành chính năm học 2025 - 2026

(từ tháng 8/2025 đến tháng 7/2026)

TT	Họ và tên	Mã viên chức	Đơn vị	Dự kiến hạng nhân viên hành chính năm học 2024 - 2025												Ghi chú
				Năm 2024					Năm 2025							
				8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	